

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 2247/QB-BGDĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Điều lệ Hội khoẻ Phù Đổng toàn quốc lần thứ X năm 2020

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Ông Vụ trưởng Vụ Giáo dục Thể chất,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ Hội khoẻ Phù Đổng toàn quốc lần thứ X năm 2020, áp dụng từ cấp trường đến cấp quận, huyện, tỉnh, thành phố và toàn quốc.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Chánh Văn phòng, Vụ trưởng các Vụ: Giáo dục Thể chất, Kế hoạch Tài chính, Giáo dục Trung học, Giáo dục Tiểu học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, Ban Chỉ đạo Hội khoẻ Phù Đổng các cấp, Giám đốc các sở giáo dục và đào tạo và các thành viên tham gia Hội khoẻ Phù Đổng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (đề t/h);
- VP Chính phủ (đề b/c);
- BT. Phùng Xuân Nhạ (đề b/c);
- Bộ KH&ĐT, Bộ Tài chính;
- TCTDTT - BVHTTDL;
- UBND tỉnh Nam Định;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các sở GDĐT, sở VHTTDL;
- Website của BGDĐT;
- Lưu: VT, Vụ GDTC.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Thị Nghĩa

ĐIỀU LỆ
HỘI KHOẺ PHÙ ĐỒNG TOÀN QUỐC LẦN THỨ X NĂM 2020
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2247/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Hội khoẻ Phù Đồng (HKPD) là Đại hội Thể dục thể thao (TD,TT) học sinh phổ thông nhằm duy trì và đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, thường xuyên tập luyện và thi đấu các môn thể thao trong học sinh phổ thông để nâng cao sức khoẻ, phát triển thể chất góp phần giáo dục toàn diện cho học sinh;

- Thực hiện mục tiêu Nghị quyết số 29 - NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”;

- Phát hiện bồi dưỡng và đào tạo tài năng thể thao cho đất nước; tổng kết, đánh giá công tác giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong trường phổ thông;

2. Yêu cầu

- Giám đốc các sở giáo dục và đào tạo tuyên truyền, phổ biến, quán triệt mục đích, ý nghĩa của HKPD đến toàn thể cán bộ, giáo viên và học sinh trong toàn tỉnh (hoặc thành phố trực thuộc Trung ương) và chỉ đạo tổ chức HKPD các cấp theo quy định của Điều lệ, nhằm khuyến khích động viên học sinh tham gia rèn luyện thể lực, nâng cao sức khỏe đáp ứng nhiệm vụ học tập và giáo dục toàn diện;

- Tăng cường cơ sở vật chất, sân tập, nhà tập và các trang thiết bị, dụng cụ phục vụ việc dạy và học môn thể dục; tổ chức các hoạt động TD,TT và thi đấu thể thao trong trường học;

- Tổ chức HKPD cấp trường theo chu kỳ 1 năm/lần; cấp quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (gọi chung là cấp huyện) và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là cấp tỉnh) theo chu kỳ 2 năm/lần. Trên cơ sở các môn thi của HKPD toàn quốc, tăng cường các môn thi thể thao dân tộc và các nội dung thi đơn giản phù hợp với đặc thù của từng trường, từng địa phương với mục đích chủ yếu là nâng cao sức khỏe, rèn luyện thể chất cho học sinh;

- HKPD các cấp phải được tổ chức tuyệt đối an toàn, tiết kiệm, hiệu quả, tránh phô trương, hình thức, lãng phí;

- Thực hiện nghiêm Chi thị số 15/2002/CT-TTg, ngày 26/7/2002 của Thủ tướng Chính phủ về chống tiêu cực trong các hoạt động TD,TT;

Điều 2. TỔ CHỨC, CHỈ ĐẠO

1. HKPD cấp trường: Hiệu trưởng thành lập Ban Tổ chức HKPD cấp trường, trong đó Hiệu trưởng làm Trưởng Ban Tổ chức và các ủy viên gồm: Các giáo viên bộ môn thể dục, các giáo viên chủ nhiệm và cán bộ phụ trách đoàn, đội...

2. HKPD cấp huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) huyện (quận) thành lập Ban Chỉ đạo và Ban Tổ chức HKPD cấp huyện, gồm:

- Trưởng ban Chỉ đạo lãnh đạo UBND huyện (quận);

- Trưởng ban Tổ chức lãnh đạo phòng giáo dục và đào tạo huyện (quận);

Các ủy viên là lãnh đạo, chuyên viên của phòng giáo dục và đào tạo cấp huyện (quận), các cơ quan ban ngành liên quan.

3. HKPD cấp tỉnh: Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành lập Ban Chỉ đạo và Ban Tổ chức HKPD cấp tỉnh, gồm:

- Trưởng ban Chỉ đạo lãnh đạo UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Trưởng ban Tổ chức lãnh đạo sở giáo dục và đào tạo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Các ủy viên là lãnh đạo, chuyên viên của sở giáo dục và đào tạo, sở văn hóa, thể thao, du lịch và các cơ quan ban ngành liên quan.

4. HKPD cấp khu vực

Sau khi được Ban Chỉ đạo HKPD toàn quốc ủy nhiệm đăng cai tổ chức khu vực, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành lập Ban Chỉ đạo và Ban Tổ chức HKPD cấp khu vực, gồm:

- Trưởng ban Chỉ đạo là lãnh đạo UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Trưởng ban Tổ chức là lãnh đạo sở giáo dục và đào tạo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Các ủy viên Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức là lãnh đạo và chuyên viên của sở giáo dục và đào tạo; sở văn hóa, thể thao, du lịch và các cơ quan, ban ngành liên quan của tỉnh, thành phố. Ngoài ra còn có sự tham gia của lãnh đạo và chuyên viên Vụ Giáo dục Thể chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) và Tổng cục TDTT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

5. HKPD cấp toàn quốc

Bộ trưởng Bộ GDĐT thành lập Ban Chỉ đạo và Ban Tổ chức HKPD toàn quốc lần thứ X năm 2020, gồm:

- Trưởng ban Chỉ đạo: Thứ trưởng Bộ GDĐT;

- Phó trưởng Ban Chỉ đạo kiêm Trưởng ban Tổ chức: Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định;

- Các ủy viên Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức: lãnh đạo và chuyên viên các đơn vị chức năng thuộc Bộ GDĐT, Tổng cục TDTT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, sở giáo dục và đào tạo; sở văn hóa, thể thao, du lịch và các cơ quan, ban ngành liên quan đến HKPD.

Bộ GDĐT phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và UBND tỉnh Nam Định chỉ đạo trực tiếp và toàn diện công tác tổ chức HKPD toàn quốc lần thứ X năm 2020.

Điều 3. CÁC MÔN THỂ THAO THI ĐẤU Ở KHU VỰC, TOÀN QUỐC

1. Các môn thể thao thi đấu ở khu vực, gồm: 11 môn thể thao

1.1. Môn Điền kinh: Tiểu học (TH), Trung học cơ sở (THCS), (nam, nữ)

1.2. Môn Bơi: TH, THCS (nam, nữ)

1.3. Môn Bóng bàn: TH, THCS (nam, nữ)

1.4. Môn Bóng đá, vòng loại TH, THCS, Trung học phổ thông (THPT)

- TH: 5 người (nam);

- THCS: 7 người (nam);

- THPT: Nữ (5 người) và Nam (11 người)

1.5. Môn Bóng chuyên: THCS (nam, nữ)

1.6. Môn Bóng rổ: THCS (nam, nữ)

1.7. Môn Cầu Lông: THCS (nam, nữ)

1.8. Môn Đá cầu: TH, THCS (nam, nữ)

1.9. Môn Thể dục Aerobic: TH, THCS

1.10. Môn Đẩy gậy: THCS (nam, nữ)

1.11. Môn Kéo co: THCS (nam, nữ)

2. Các môn thể thao thi toàn quốc: Gồm 15 môn thể thao

2.1. Môn Điền kinh: THPT (nam, nữ)

2.2. Môn Bơi: THPT (nam, nữ)

2.3. Môn Bóng chuyên: THPT (nam, nữ)

2.4. Môn Bóng đá: chung kết TH (nam), THCS (nam), THPT (nam, nữ)

2.5. Môn Bóng bàn: THPT (nam, nữ)

2.6. Môn Bóng rổ: THPT (nam, nữ)

2.7. Môn Cầu lông: THPT (nam, nữ)

2.8. Môn Cờ vua: TH, THCS và THPT, theo các lứa tuổi (nam, nữ)

2.9. Môn Đá cầu: THPT (nam, nữ)

2.10. Môn Karatedo: THCS, THPT (nam, nữ)

2.11. Môn Kéo co: THPT (nam, nữ)

2.12. Môn Taekwondo: THCS, THPT (nam, nữ)

2.13. Môn Thể dục: THPT (nam, nữ)

2.14. Môn Vovinam: THCS, THPT (nam, nữ)

2.15. Môn Võ cổ truyền: THCS, THPT (nam, nữ)

3. Các môn thể thao thi đấu cấp trường, huyện, tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương

Căn cứ số môn thể thao quy định tại HKPD toàn quốc và phong trào thể thao, điều kiện cụ thể của địa phương, Điều lệ, để qui định các môn thi đấu tại HKPD cấp trường, huyện, tỉnh cho phù hợp nhằm thu hút đông đảo học sinh tham gia tập luyện và thi đấu.

Điều 4. ĐƠN VỊ VÀ ĐỐI TƯỢNG THAM GIA

1. Đơn vị tham gia: Mỗi sở giáo dục và đào tạo là một đơn vị tham gia

2. Đối tượng

2.1. Đối tượng được tham gia HKPD

a) Những học sinh (năm học 2019 – 2020) đang học tại các loại hình trường theo chương trình phổ thông, bao gồm: trường TH, THCS và THPT, trường phổ thông có nhiều cấp học, học sinh học tại trung tâm giáo dục thường xuyên, các trường bổ túc văn hóa và các loại hình học tập khác;

b) Học sinh có đủ sức khoẻ thi đấu môn thể thao mà học sinh đó đăng ký tham gia;

c) Học sinh THCS, THPT có kết quả xếp loại học lực từ trung bình trở lên và hạnh kiểm từ khá trở lên (*không áp dụng đối với học sinh học TH*).

2.2. Đối tượng không được tham gia HKPD

Học sinh là vận động viên đang được đào tạo tại các trung tâm đào tạo vận động viên của tỉnh, thành phố, quốc gia và trường năng khiếu TD,TT, trường phổ thông năng khiếu TD,TT; học sinh đã tham gia các giải vô địch quốc gia về các môn thể thao; các học sinh đã đoạt Huy chương Vàng, Huy chương Bạc và Huy chương Đồng tại các giải trẻ quốc gia (từ U17 trở lên) của các môn thể thao do Tổng cục TDTT và các liên đoàn thể thao quốc gia tổ chức.

2.3. Đối tượng học sinh chuyển trường

Đối với những học sinh được chuyển từ trường năng khiếu TD,TT hoặc trường phổ thông năng khiếu TD,TT về học tại các loại hình trường theo quy định tại điểm a, khoản 2.1. Điều 4 của Điều lệ này, phải được chuyển trước tháng 9 năm 2018.

2.4. Quy định về độ tuổi:

- Học sinh TH: 11 tuổi trở xuống (sinh sau năm 2008);

+ Độ tuổi: 6 - 9 tuổi (sinh từ 01/01/2014 đến 31/12/2011);

+ Độ tuổi: 10 - 11 tuổi (sinh từ 01/01/2009 đến 31/12/2011);

- Học sinh THCS: 15 tuổi trở xuống (sinh sau năm 2014);

- + Độ tuổi: 12 - 13 tuổi (sinh từ 01/01/2007 đến 31/12/2008);
- + Độ tuổi: 14 - 15 tuổi (sinh từ 01/01/2005 đến 31/12/2006);
- Học sinh THPT: 18 tuổi trở xuống (sinh sau năm 2002);
- + Độ tuổi: 16 - 17 - 18 tuổi (sinh từ 01/01/2003 đến 31/12/2003);

2.5. Học sinh ở cấp học dưới quá tuổi theo qui định thì được phép thi đấu ở cấp học trên liền kề, nhưng không được vượt tuổi quy định của cấp học đó. Mỗi học sinh chỉ được đăng ký thi đấu cho 01 đơn vị, ở 01 cấp học và thi đấu 01 môn thể thao (*không tính môn Kéo co*).

Điều 5. ĐĂNG KÝ THAM GIA THI ĐẤU

1. Hồ sơ tham gia thi đấu

1.1. Danh sách học sinh đăng ký tham gia HKPD toàn quốc lần thứ X năm 2020 do Giám đốc sở giáo dục và đào tạo ký tên và đóng dấu, gồm:

- 01 bản đăng ký sơ bộ số lượng vận động viên (VĐV) sẽ tham gia thi đấu các môn thể thao (theo mẫu số 2);
- 02 bản đăng ký tổng hợp danh sách chính thức tham gia HKPD (mẫu 3);
- 02 bản đăng ký chi tiết từng môn thi đấu (nam riêng, nữ riêng cho từng cấp học), (theo mẫu số 4);
- 02 ảnh (3x 4 cm) của mỗi thành viên trong đoàn (theo mẫu số 5).

1.2. Bản chính giấy khai sinh hoặc bản sao giấy khai sinh theo đúng quy định hiện hành. Thời gian sao giấy khai sinh phải trước tháng 8 năm 2019.

1.3. Bản phô tô học bạ: trang 1 (có trích ngang: họ và tên, ngày tháng năm sinh, lớp, trường...vvv của học sinh) và trang có ghi kết quả học tập, rèn luyện năm học 2019-2020 của học sinh, có xác nhận, đóng dấu của hiệu trưởng nhà trường và giáo viên chủ nhiệm lớp;

1.4. Học sinh từ 16 tuổi trở lên (sinh trước năm 2004) phải mang theo chứng minh nhân dân để xuất trình khi kiểm tra nhân sự (không chấp nhận mọi lý do không có chứng minh nhân dân). Đối với học sinh miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo chưa được cấp giấy chứng minh nhân dân được thay thế bằng các giấy xác nhận chưa được cấp chứng minh nhân dân có dán ảnh, đóng dấu giáp lai của UBND xã hoặc Công an nơi cư trú.

1.5. Giấy khám sức khỏe của từng học sinh do cơ quan y tế có thẩm quyền từ cấp quận, huyện trở lên cấp và xác nhận có đủ sức khỏe tham gia nội dung mà học sinh sẽ thi đấu.

1.6. Phiếu thi đấu: (theo mẫu số 1)

Ghi chú: Giấy khám sức khỏe, phiếu thi đấu và học bạ pho to Ban Tổ chức sẽ lưu giữ. Giấy khai sinh sẽ trả lại sau khi kết thúc HKPD.

2. Thời hạn đăng ký tham gia thi đấu tại khu vực và toàn quốc

2.1. Thời hạn đăng ký sơ bộ các nội dung của các môn thi đấu tại khu vực (theo mẫu 2) trước ngày 31/12/2019.

2.2. Thời hạn đăng ký chính thức các nội dung của các môn thi đấu tại khu vực (theo mẫu 4) trước ngày 29/02/2020.

2.3. Thời hạn đăng ký tổng hợp các môn thi đấu toàn quốc (theo mẫu 3) trước ngày 15/5/2020.

2.4. Thời hạn đăng ký chi tiết các nội dung của các môn thi đấu toàn quốc (theo mẫu 4) trước ngày 15/6/2020.

Đăng ký gửi về theo 02 địa chỉ sau:

a) Vụ Giáo dục Thể chất, Bộ GDĐT, 35 Đại Cồ Việt, Hà Nội. Điện thoại và fax: (04)38684485, Email: hkpd10@gmail.com, ĐD. 0912728248 (Trần Văn Lam).

b) Sở Giáo dục và Đào tạo nơi đăng cai tổ chức HKPĐ khu vực hoặc toàn quốc.

3. Các quy định khác

3.1. Chỉ tổ chức thi đấu khi mỗi nội dung của môn thi đấu phải có ít nhất 03 VĐV của 02 đơn vị trở lên tham gia thi đấu.

3.2. Trang phục

- Trang phục trình diễn đồng phục theo đoàn và phải in rõ tên đơn vị lên trang phục;
- Trang phục thi đấu theo quy định tại Điều lệ, luật của môn thi đấu và phải in rõ tên đơn vị lên trang phục.

3.3. Trưởng đoàn là Lãnh đạo sở giáo dục và đào tạo và các cán bộ phụ trách từng môn thi là các cán bộ, giáo viên thuộc ngành Giáo dục do Giám đốc sở giáo dục và đào tạo quyết định.

3.4. Huấn luyện viên và chỉ đạo viên từng nội dung thi do sở giáo dục và đào tạo phối hợp với sở văn hóa, thể thao và du lịch quyết định.

3.5. Giám đốc sở giáo dục và đào tạo phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ GDĐT về nhân sự của đơn vị.

3.6. Đối với các môn thi tại khu vực, việc kiểm tra hồ sơ sẽ tiến hành tại thời điểm thi (căn cứ kết quả xếp loại học lực và hạnh kiểm của học kỳ I năm học 2019-2020). Yêu cầu nhà trường ghi điểm vào phiếu điểm có xác nhận của giáo viên chủ nhiệm, Hiệu trưởng và có đóng dấu của nhà trường.

Điều 6. HÌNH THỨC, ĐỊA ĐIỂM VÀ THỜI GIAN THI ĐẤU

1. Hình thức: Tổ chức 2 giai đoạn

1.1. Giai đoạn 1: Thi đấu tại các khu vực (5 khu vực).

1.2. Giai đoạn 2: Thi đấu toàn quốc, tại Nam Định.

2. Khu vực và địa điểm thi đấu của HKPĐ

HKPĐ lần thứ X năm 2020 được chia 5 khu vực, gồm:

- *Khu vực I:* dự kiến tổ chức tại Phú Thọ, gồm 13 đơn vị: Phú Thọ, Tuyên Quang, Hà Giang, Lào Cai, Yên Bái, Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Giang, Bắc Cạn, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La và Hòa Bình;

- *Khu vực II*: dự kiến tổ chức tại Bắc Ninh, gồm 12 đơn vị: Nam Định, Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, Quảng Ninh, Hà Nam, Ninh Bình, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên và Thái Bình;

- *Khu vực III*: dự kiến tổ chức tại Quảng Nam, gồm 12 đơn vị: Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh, Thanh Hóa, Nghệ An, Bình Định, Phú Yên và Khánh Hòa;

- *Khu vực IV*: dự kiến tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh, gồm 13 đơn vị: thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Lâm Đồng, Đắk Lắk, Gia Lai, Đắk Nông, Kon Tum, Bình Thuận, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Ninh Thuận và Bà Rịa – Vũng Tàu;

- *Khu vực V*: dự kiến tổ chức tại Bến Tre, gồm 13 đơn vị: Bến Tre, An Giang, Đồng Tháp, Long An, Tiền Giang, Hậu Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau, Vĩnh Long, Trà Vinh, Sóc Trăng và Cần Thơ.

3. Thời gian

3.1. HKPD cấp khu vực: Thi đấu từ ngày 01/3 đến ngày 30/4/2020. Các khu vực I, II và III có thể tổ chức thi đấu môn Bơi kết thúc trước 10/6/2020. Các đơn vị đăng cai tổ chức khu vực chủ động lập kế hoạch và thông báo thời gian tổ chức về Bộ GDĐT trước ngày 31/12/2019.

3.2. Tổ chức HKPD toàn quốc

- Tổ chức thi đấu các môn: Dự kiến từ ngày 01/8/2020 đến ngày 12/8/2020;

- Lễ khai mạc (dự kiến): 19h30 ngày 02/8/2020 tại Sân vận động Thiên Trường tỉnh Nam Định;

- Lễ bế mạc (dự kiến): 15h00 ngày 12/8/2020 tại Nhà thi đấu TDTT tỉnh Nam Định.

Điều 7. TÍNH ĐIỂM VÀ XẾP HẠNG

1. Điểm từng nội dung thi (cá nhân, đôi, đồng đội, tập thể) của từng môn thi chỉ tính theo xếp hạng từ thứ 1 đến thứ 10, cách tính như sau:

- Xếp hạng 1 = 11 điểm; xếp hạng 2 = 9 điểm; xếp hạng 3 = 8 điểm; xếp hạng 4 = 7 điểm; xếp hạng 5 = 6 điểm (thứ 5 đến thứ 8 đối với các nội dung thi theo thể thức loại trực tiếp); xếp hạng 6 = 5 điểm; xếp hạng 7 = 4 điểm; xếp hạng 8 = 3 điểm; xếp hạng 9 = 2 điểm (thứ 9 đến thứ 16 đối với các nội dung thi theo thể thức loại trực tiếp); xếp hạng 10 = 1 điểm;

- Đối với các nội dung được chia bảng thi đấu vòng tròn để chọn 2 đội vào thi đấu vòng sau, được tính điểm như sau:

+ Hai bảng: Xếp hạng 3 = 6 điểm; xếp hạng 4 = 4 điểm; xếp hạng 5 = 2 điểm;

+ Bốn bảng: Xếp hạng 3 = 2 điểm.

2. Các môn thi kết thúc tại khu vực được trao huy chương, tính điểm theo khoản 1, Điều 7 của Điều lệ này (riêng môn bóng đá vòng loại ở khu vực chỉ được tính điểm để cộng vào điểm toàn đoàn của HKPD).

3. Điểm thưởng: Đơn vị đăng cai HKPD khu vực được cộng 50 điểm.

Điểm các môn thi tập thể:

- Thi đấu tại khu vực: Bóng đá (11 người) nhân hệ số 3; Bóng đá (7 người, 5 người), Bóng rổ, Bóng chuyên và Thể dục nội dung thi 8 người được nhân hệ số 2;

- Thi đấu toàn quốc: Bóng đá (11 người) nhân hệ số 5; Bóng đá (7 người, 5 người), Bóng rổ, Bóng chuyên, Thể dục nội dung thi 8 người được nhân hệ số 3;

4. Điểm từng môn thi của HKPD:

- Điểm môn thi tại khu vực: Là tổng điểm các nội dung thi của môn thi mà đơn vị đạt được tại khu vực;

- Điểm môn thi toàn quốc: Là tổng điểm các nội dung thi của môn thi mà đơn vị đạt được tại HKPD.

5. Xếp hạng môn thi: Được tính theo thứ tự từ cao xuống thấp theo tổng số điểm đạt được của các đơn vị. Nếu bằng điểm nhau sẽ xét theo tổng số huy chương theo thứ tự huy chương Vàng, Bạc, Đồng của đơn vị đạt được tại khu vực hoặc toàn quốc và cuối cùng là bốc thăm.

6. Điểm toàn đoàn của HKPD Khu vực: Là tổng điểm các môn thi của đơn vị đạt được tại HKPD cấp Khu vực.

7. Điểm toàn đoàn của HKPD toàn quốc lần thứ X năm 2020: Là tổng điểm các môn thi của đơn vị tại khu vực cộng với tổng điểm các môn thi toàn quốc (nhân hệ số 2) cộng với điểm thưởng và điểm giải bóng đá học sinh TH, THCS năm 2017, 2018 và 2019, được tính theo công thức sau:

Điểm toàn đoàn = Tổng điểm khu vực + (Tổng điểm toàn quốc) x 2 + Điểm thưởng + Điểm Bóng đá (2017, 2018, 2019);

8. Xếp hạng toàn đoàn của HKPD toàn quốc lần thứ X năm 2020 theo điểm: Được tính theo thứ tự từ cao xuống thấp theo tổng số điểm đạt được của các đơn vị. Nếu bằng điểm nhau sẽ xét theo tổng số huy chương theo thứ tự huy chương Vàng, Bạc, Đồng ở vòng thi toàn quốc sau đó tính đến vòng thi ở khu vực và cuối cùng là bốc thăm.

9. Xếp hạng toàn đoàn của HKPD toàn quốc lần thứ X năm 2020 theo huy chương: Được tính theo thứ tự từ cao xuống thấp của tổng số huy chương Vàng, tổng số huy chương Bạc, tổng số huy chương Đồng đạt được tại HKPD Khu vực cộng tổng huy chương đạt được tại HKPD toàn quốc nhân hệ số 2, cách tính như sau:

Tổng HCV = Tổng HCV khu vực + (Tổng HCV toàn quốc) x 2;

Tổng HCB = Tổng HCB khu vực + (Tổng HCB toàn quốc) x 2;

Tổng HCD = Tổng HCD khu vực + (Tổng HCD toàn quốc) x 2;

Nếu tổng số huy chương bằng nhau thì tính theo thứ tự từ cao xuống thấp của tổng số HCV, tổng số HCB và tổng số HCD đạt được tại vòng thi toàn quốc.

Chương II

ĐIỀU LỆ TỪNG MÔN

Điều 8. MÔN ĐIỀN KINH

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 của Điều lệ này.

2. Nội dung

2.1. Thi đấu tại khu vực:

a) TH: Chạy 60m, bật xa tại chỗ (nam, nữ); tiếp sức 4 x 50m (nam, nữ);

b) THCS:

- Nam: Chạy 100m, 200m, 400m, 1500m, tiếp sức 4 x 100m, tiếp sức 4 x 100m hỗn hợp (2 nam và 2 nữ) nhảy xa, nhảy cao;

- Nữ: Chạy 100m, 200m, 400m, 800m, tiếp sức 4 x 100m, nhảy xa, nhảy cao.

2.2. Thi đấu toàn quốc tại Nam Định:

- THPT:

+ Nam: Chạy 100m, 200m, 400m, 800m, 1500m, 5000m, tiếp sức 4 x 100m, tiếp sức 4 x 100m hỗn hợp (2 nam và 2 nữ), nhảy cao, nhảy xa, đẩy tạ 5kg;

+ Nữ: Chạy 100m, 200m, 400m, 800m, 1500m, 3000m, tiếp sức 4 x 100m, nhảy cao, nhảy xa, đẩy tạ 3kg.

3. Thể thức thi đấu: Cá nhân, đồng đội

4. Số lượng tham gia

4.1. Mỗi đơn vị được đăng ký ở mỗi nội dung cá nhân là 02 VĐV và một đội tiếp sức (được lấy bất kỳ VĐV có tên trong đăng ký thi đấu). Mỗi VĐV được dự thi tối đa 02 nội dung (Không kể nội dung tiếp sức).

4.2. Đủ 03 vận động viên của 03 đơn vị trở lên ở mỗi nội dung thì mới tổ chức thi đấu nội dung đó.

5. Luật thi đấu: Áp dụng Luật Điền kinh hiện hành của Tổng cục TDTT - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

6. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo quy định tại Điều 7 - Chương I của Điều lệ này.

7. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 01 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Điều 9. MÔN BƠI

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 của Điều lệ này.

2. Nội dung thi đấu

2.1. Thi đấu tại khu vực

a) TH:

- Bơi tự do: 50m, 100m (nam, nữ);

- Bơi ếch: 50m (nam, nữ);

- Bơi ngửa: 50m (nam, nữ);

- Bơi tiếp sức: 4x50m tự do (nam, nữ).

b) THCS:

* Độ tuổi 12-13

- Bơi tự do: 50m,100m (nam, nữ);
- Bơi ếch: 50m,100m (nam, nữ);
- Bơi ngựa: 50m (nam, nữ);
- Bơi bướm: 50m (nam, nữ);
- Bơi tiếp sức: 4x50m tự do (nam, nữ);

* Độ tuổi 14-15

- Bơi tự do: 50m,100m (nam, nữ);
- Bơi ếch: 50m,100m (nam, nữ);
- Bơi ngựa: 50m, 100m (nam, nữ);
- Bơi bướm: 50m (nam, nữ);
- Bơi tiếp sức: 4x100m tự do (nam,nữ), 4x50m hỗn hợp (nam, nữ).

2.2. Thi đấu toàn quốc tại Nam Định:

- THPT:
- Bơi tự do: 50m,100m, 200m (nam, nữ);
- Bơi ếch: 50m,100m, 200m (nam, nữ);
- Bơi ngựa: 50m, 100m (nam, nữ);
- Bơi bướm: 50m, 100m (nam, nữ);
- Hỗn hợp: 200m (nam, nữ);
- Bơi tiếp sức: 4 x 100m tự do (nam, nữ).

3. Thể thức thi đấu: Thi cá nhân, đội tiếp sức.

4. Số lượng tham gia

4.1. Trong mỗi cự ly của từng lứa tuổi, mỗi đơn vị được cử 02 VĐV và một đội tiếp sức dự thi;

4.2. Mỗi VĐV được đăng ký thi đấu tối đa 03 cự ly (kể cả tiếp sức).

5. Luật thi đấu: Áp dụng Luật Bơi hiện hành của Tổng cục TDTT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

6. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo quy định tại Điều 7 của Điều lệ này.

Điểm toàn đoàn của môn thi là tổng điểm của các cá nhân của đơn vị đạt được ở khu vực và toàn quốc. Nếu bằng điểm nhau thì tính theo thứ tự: tổng điểm đạt được tại vòng thi đấu toàn quốc, sau đó tính đến tổng số huy chương Vàng, tổng số huy chương Bạc, tổng số huy chương Đồng đạt được tại khu vực và toàn quốc.

7. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 01 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Điều 10. MÔN BÓNG BÀN

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 của Điều lệ này.

2. Nội dung thi đấu

2.1. Thi đấu tại khu vực

- TH: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ phối hợp và đồng đội nam, đồng đội nữ.

- THCS:

+ Độ tuổi: 12-13: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ;

+ Độ tuổi: 14-15: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ;

+ Đồng đội nam, đồng đội nữ (chung cho cả 2 độ tuổi).

2.2. Thi đấu toàn quốc tại Nam Định:

THPT: Đồng đội nam, đồng đội nữ, đôi nam, đôi nữ, đơn nam, đơn nữ, đôi nam nữ.

3. Thể thức thi đấu

3.1. Giải đồng đội: Thi đấu 4 trận đơn và 1 trận đôi và mỗi đội 03 VĐV, mỗi VĐV chỉ được thi đấu 2 trận.

Thứ tự trận đấu A gặp X, B gặp Y, đôi,

A hoặc B* gặp Z, C gặp X hoặc Y*

(* = Là người không chơi trận đôi).

- Nếu có trên 32 đội: Thi đấu loại trực tiếp;

- Nếu có từ 32 đội trở xuống: Thi đấu theo 2 giai đoạn.

+ Giai đoạn I: Chia bảng thi đấu vòng tròn một lượt chọn đội nhất, nhì vào giai đoạn II (mỗi bảng không quá 5 đội, số lượng bảng theo công thức 2^n);

+ Giai đoạn II: Thi đấu loại trực tiếp cho đến trận chung kết (theo mã trận đã được bốc thăm).

3.2. Giải đơn, giải đôi: Thi đấu loại trực tiếp

- TH và THCS: Các trận đều thi đấu trong 5 ván;

- THPT: Đơn thi đấu trong 7 ván; đôi và đồng đội thi đấu trong 5 ván;

(các VĐV cùng đơn vị không gặp nhau ở trận thi đấu đầu).

4. Số lượng VĐV tham dự: Mỗi đơn vị được đăng ký số lượng VĐV tham dự ở mỗi cấp học như sau:

4.1. TH: 01 đội nam, 01 đội nữ (mỗi đội không quá 05 VĐV).

4.2. THCS: 01 đội nam, 01 đội nữ (mỗi đội không quá 05 VĐV), giải đơn và đôi được chia thi đấu theo 02 lứa tuổi (12-13 tuổi và 14-15 tuổi) mỗi lứa tuổi được cử 02 đơn nam, 02 đơn nữ, 01 đôi nam, 01 đôi nữ, 02 đôi nam nữ.

4.3. THPT: 01đội nam, 01 đội nữ (mỗi đội không quá 05 VĐV).

4.4. Mỗi VĐV được phép thi đấu tối đa 02 nội dung không kể đồng đội.

5. Luật thi đấu

5.1. Áp dụng Luật Bóng bàn hiện hành của Tổng cục TDTT - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

5.2. Quy định mỗi ván đấu: 11 điểm

5.3. Bóng thi đấu: Bóng Song Hỷ màu trắng có đường kính 40mm.

5.4. Trang phục thi đấu

- Đồng phục trong thi đấu đồng đội và đôi;
- Trang phục không được trùng màu với màu của bóng thi đấu;
- Áo thi đấu của các vận động viên khi tham gia giải đồng đội, đôi và đơn phải có tên đơn vị in đằng sau lưng.

6. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo quy định tại Điều 7 của Điều lệ này.

Tính điểm để xếp hạng trong thi đấu vòng tròn: Thắng 2, thua 1, bỏ cuộc 0 điểm. Nếu 2 đội bằng điểm nhau, đội thắng trận đấu trực tiếp xếp trên, nếu có 3 đội trở lên bằng điểm nhau lần lượt sẽ tính tỷ số tổng trận thắng / trận thua, tổng ván thắng/ván thua, tổng điểm thắng/ điểm thua của các đội đó với nhau.

7. Các quy định khác

Chọn hạt giống: Các đơn vị đăng cai tổ chức HKPD toàn quốc và khu vực được ưu tiên chọn làm hạt giống.

8. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Điều 11. MÔN BÓNG CHUYÊN

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 của Điều lệ này.

2. Nội dung thi đấu

2.1. Thi đấu tại khu vực THCS: Bóng chuyên nam, nữ (6-6).

2.2. Thi đấu toàn quốc tại Nam Định: Bóng chuyên nam, nữ THPT (6 - 6).

3. Thể thức thi đấu: Thi đấu theo thể thức 3 hiệp thắng 2; mỗi hiệp 25 điểm, riêng hiệp quyết thắng (hiệp 3) thi đấu 15 điểm.

3.1. Nếu có từ 32 đội trở xuống thi đấu theo phương thức sau:

- Giai đoạn I: Chia bảng đấu vòng tròn 1 lượt để chọn 2 đội nhất, nhì các bảng vào giai đoạn II (mỗi bảng không quá 5 đội, số lượng bảng theo công thức 2^n);
- Giai đoạn II: Đấu loại trực tiếp cho đến trận chung kết (theo mã trận đã được bốc thăm).

3.2. Nếu có trên 32 đội: Đấu loại trực tiếp cho đến trận chung kết.

4. Số lượng VĐV: Mỗi đơn vị được đăng ký ở mỗi cấp học 01 đội nam và 01 đội nữ (mỗi đội gồm 12 VĐV).

5. Luật thi đấu

5.1. Áp dụng Luật Bóng chuyên hiện hành của Tổng cục TDTT - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

5.2. Bóng thi đấu: Sẽ do Ban Tổ chức quyết định.

6. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo quy định tại Điều 7 của Điều lệ này.

6.1. Cách tính điểm trong đấu vòng tròn: Theo Luật Bóng chuyền hiện hành.

6.2. Xếp hạng: Theo luật Bóng chuyền hiện hành.

7. Các quy định khác

Chọn hạt giống: Các đơn vị đăng cai HKPD toàn quốc và khu vực được ưu tiên chọn làm hạt giống.

8. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Điều 12. MÔN BÓNG ĐÁ

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 của Điều lệ này.

2. Thi đấu toàn quốc tại Nam Định

- Thi chung kết toàn quốc: Bóng đá nam TH (5 người) và Bóng đá nam THCS (7 người);

- Thi chung kết toàn quốc: Bóng đá nam THPT (11 người) và Bóng đá nữ THPT (5 người).

3. Nội dung: Bóng đá 5 người, 7 người và Bóng đá 11 người.

3.1. TH: Bóng đá nam 5 người

3.2. THCS: Bóng đá nam 7 người

3.3. THPT:

- Bóng đá nữ 5 người;

- Bóng đá nam 11 người.

4. Số lượng VĐV: Mỗi đơn vị được đăng ký:

4.1. TH: 01 đội gồm 12 VĐV.

4.2. THCS: 01 đội gồm 14 VĐV.

4.3. THPT:

- 01 đội nữ gồm 12 VĐV;

- 01 đội nam gồm 20 VĐV.

4.4. Tại vòng chung kết mỗi đội được phép thay thế bổ sung một số cầu thủ chính thức nhưng không quá 1/3 số cầu thủ đã đăng ký thi đấu tại khu vực.

5. Thẻ thức thi đấu: Môn bóng đá của các cấp học đều thi đấu vòng loại tại khu vực để chọn đội vào chung kết, không trao huy chương, vẫn được tính điểm ở khu vực để cộng vào điểm chung của HKPD.

5.1. Tại khu vực: Thẻ thức thi đấu do Ban Tổ chức khu vực quy định phù hợp với điều kiện thực tế của mỗi khu vực để chọn 3 đội (nhất, nhì, ba) của mỗi nội dung vào vòng chung kết.

5.2. Tại vòng chung kết: (chung cho các cấp học và giới tính).

Gồm 16 đội cho mỗi nội dung (15 đội xếp thứ nhất, nhì, ba ở mỗi khu vực và 1 đội của đơn vị đăng cai HKPD toàn quốc lần thứ IX)

5.3. Giai đoạn I: 16 đội bốc thăm chia 4 bảng A, B, C, D (mỗi bảng 4 đội) đấu vòng tròn 1 lượt chọn đội nhất, nhì vào đấu tiếp giai đoạn II.

5.4. Giai đoạn II:

- 8 đội đấu tứ kết (4 trận) quy định như sau:

+ Trận 1: nhất bảng A gặp nhì bảng B;

+ Trận 2: nhất bảng C gặp nhì bảng D;

+ Trận 3: nhất bảng B gặp nhì bảng C;

+ Trận 4: nhất bảng D gặp nhì bảng A.

- Bán kết: 4 đội thắng ở tứ kết gặp nhau:

+ Đội thắng trận 1 gặp đội thắng trận 2;

+ Đội thắng trận 3 gặp đội thắng trận 4.

- Chung kết: 2 đội thắng ở trận bán kết gặp nhau để xếp hạng nhất - nhì, 2 đội thua ở bán kết đồng hạng ba.

6. Luật thi đấu

6.1. Áp dụng Luật thi đấu Bóng đá: 5 người, 11 người hiện hành của Liên đoàn Bóng đá Việt Nam và Luật thi đấu Bóng đá 7 người do Ủy ban TDTT (nay là Tổng cục TDTT) ban hành.

6.2. Chọn làm hạt giống: Các đội bóng của đơn vị đăng cai tổ chức HKPD toàn quốc và các đội xếp thứ nhất các khu vực.

6.3. Bóng thi đấu: Do Ban Tổ chức quy định.

6.4. TH: Bóng số 4 (bóng nảy dùng cho thi đấu trong nhà).

6.5. THCS, THPT (nam, nữ): Bóng số 5.

6.6. Đối với TH: Thi đấu trong 2 hiệp mỗi hiệp 20 phút, tính cả thời gian bóng ngoài cuộc (giữa 2 hiệp nghỉ 10 phút).

6.7. Đối với THCS và nữ THPT: Thi đấu trong 2 hiệp mỗi hiệp 25 phút, tính cả thời gian bóng ngoài cuộc (giữa 2 hiệp nghỉ 10 phút).

6.8. Đối với nam THPT: Thi đấu trong 2 hiệp mỗi hiệp 35 phút, tính cả thời gian bóng ngoài cuộc (giữa 2 hiệp nghỉ 15 phút).

6.9. Giày thi đấu: Thi đấu trong nhà dùng giày bata đế cao su thường. Thi đấu ngoài trời có thể dùng giày đế mềm có nệm chống trơn. Đối với bóng đá nam THPT, dùng giày da chuyên dùng cho bóng đá sân lớn (11 người).

6.10. Phải có bọc ống quyển theo quy định của Luật bóng đá hiện hành (đối với tất cả các cấp học, kể cả nữ).

7. Cách tính điểm: Theo quy định tại Điều 7 của Điều lệ này.

7.1. Tính điểm để xếp hạng giai đoạn 1 đấu vòng tròn: Thắng 3 điểm - thua 0 điểm - hoà 1 điểm.

7.2. Xếp hạng giai đoạn 1:

* Nếu có từ hai đội trở lên bằng điểm nhau, trước hết tính kết quả của các trận đấu giữa các đội đó với nhau theo thứ tự:

- Số điểm;
- Hiệu số bàn thắng và số bàn thua;
- Tổng số bàn thắng.

Đội nào có chỉ số cao hơn sẽ xếp trên.

* Nếu các chỉ số trên bằng nhau, thì tiếp tục xét các chỉ số của toàn bộ các trận đấu trong giải theo thứ tự:

- Hiệu số của tổng số bàn thắng và tổng số bàn thua;
- Tổng số bàn thắng.

Đội nào có chỉ số cao hơn sẽ xếp trên.

* Nếu các chỉ số vẫn bằng nhau, sẽ tổ chức bốc thăm để xác định đội trên.

7.3. Giai đoạn 2 thi đấu theo thể thức loại trực tiếp không có trận hoà. Nếu hoà trong 2 hiệp chính sẽ thi đá phạt luân lưu để xác định đội thắng (không đá hiệp phụ).

7.4. Tính điểm vào kết quả HKPD toàn quốc:

- Điểm các đơn vị đạt được tại giải bóng đá HKPD học sinh TH và THCS toàn quốc Cup Milo từ năm 2017, 2018 và 2019;

- Điểm của các đơn vị đạt được tại khu vực: Đội đoạt hạng nhất khu vực được 11 điểm, hạng nhì 9 điểm, hạng ba 8 điểm. Các đội thứ ba vòng bảng được 6 điểm, các đội thứ tư vòng bảng được 4 điểm; nếu ở khu vực do ít đội tham gia thì đấu vòng tròn 1 lượt, đội nhất được 11 điểm, đội nhì 9 điểm và lùi dần 1 điểm cho các đội xếp hạng sau tiếp theo. Các đội bóng của đơn vị đăng cai tổ chức HKPD toàn quốc (Nam Định) ở mỗi bậc học được vào thẳng vòng chung kết được 11 điểm /1 đội như đội nhất khu vực;

- Tại vòng chung kết: Đội nhất được 11 điểm, nhì được 9 điểm, hai đội ba cùng được 8 điểm. Các đội thua ở tứ kết cùng được 6 điểm. Các đội thứ ba vòng bảng được 3 điểm, đội thứ tư vòng bảng được 1 điểm (hệ số theo quy định tại mục 4, Điều 7- Chương I của Điều lệ này).

8. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Điều 13. MÔN BÓNG RỔ

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 của Điều lệ này.

2. Nội dung thi đấu: đội tuyển 5 x5 Nam, 5 x5 Nữ.

2.1. Thi đấu tại khu vực: THCS nam, nữ.

2.2. Thi đấu toàn quốc tại Nam Định: THPT nam, nữ.

3. Thể thức thi đấu

3.1. Có từ 32 đội trở xuống (thi đấu vòng tròn 1 lượt theo bảng)

- Giai đoạn 1: Chia bảng thi đấu vòng tròn một lượt tính điểm, chọn đội nhất, đội nhì tại mỗi bảng vào thi đấu giai đoạn II;

- Giai đoạn 2: Chia bảng thi đấu vòng tròn một lượt tính điểm, chọn đội nhất, đội nhì tại mỗi bảng vào thi đấu bán kết và chung kết.

3.2. Có trên 32 đội: Đấu loại trực tiếp

4. Số lượng VĐV: Mỗi đơn vị được đăng ký ở mỗi cấp học 01 đội nam và 01 đội nữ (mỗi đội gồm 12 VĐV).

5. Luật thi đấu

5.1. Áp dụng Luật Bóng rổ quốc tế hiện hành.

5.2. Bóng thi đấu: Do Ban Tổ chức quy định.

5.3. Các đơn vị đăng cai tổ chức HKPD khu vực và toàn quốc được ưu tiên chọn làm hạt giống.

6. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo quy định tại Điều 7 của Điều lệ này.

Tính điểm và xếp hạng: theo Luật Bóng rổ hiện hành.

7. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi

Điều 14. MÔN CỜ VUA

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 của Điều lệ này.

2. Địa điểm thi đấu toàn quốc tại Nam Định

3. Nội dung thi đấu: Cờ tiêu chuẩn, cờ nhanh cho tất cả các độ tuổi.

3.1. TH: thi đấu theo 2 độ tuổi (6 - 9 tuổi, 10 - 11 tuổi).

3.2. THCS: thi đấu theo 2 độ tuổi (12 - 13 tuổi, 14 - 15 tuổi).

3.3. THPT: thi đấu theo 2 độ tuổi (16 tuổi, 17 - 18 tuổi).

4. Thể thức thi đấu: Thi cá nhân, đồng đội.

4.1. Theo hệ Thụy sĩ trong 7 ván nếu có từ 11 đến 20 VĐV hoặc 9 ván nếu có 21 VĐV trở lên. Trường hợp nếu có 10 VĐV trở xuống thì thi đấu vòng tròn 01 lượt.

4.2. Thời gian thi đấu cho mỗi đấu thủ là: 90 phút để hoàn thành ván cờ đối với cờ tiêu chuẩn, 25 phút đối với cờ nhanh

5. Số lượng VĐV: Mỗi đơn vị được đăng ký 02 VĐV nam và 02 VĐV nữ ở mỗi độ tuổi, mỗi nội dung thi đấu.

6. Luật thi đấu: Theo Luật Cờ vua hiện hành của Tổng cục TDTT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

7. Cách tính điểm xếp hạng: Theo quy định tại Điều 7 của Điều lệ này.

7.1. Xếp hạng cá nhân theo điểm, tổng điểm đối kháng trong nhóm bằng điểm, hệ số Bucholz, hệ số lũy tiến, số ván thắng, số ván cầm quân đen, số ván thắng bằng quân đen nếu vẫn bằng nhau thì bốc thăm xác định thứ hạng.

7.2. Xếp hạng đồng đội: Tổng điểm đạt được theo xếp hạng của 02 VĐV nam hoặc 2 VĐV nữ ở mỗi độ tuổi, nếu bằng nhau thì tính tổng thứ hạng, nếu bằng nhau thì đội có VĐV xếp hạng cá nhân cao hơn được xếp trên.

7.3. Xếp hạng toàn đoàn: Theo tổng điểm đạt được của các đội, tổng thứ hạng của các đội, thứ hạng đội nữ 6-9 tuổi.

8. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Điều 15. MÔN CẦU LÔNG

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 của Điều lệ này.

2. Nội dung thi đấu

2.1. Thi đấu tại khu vực

THCS:

- Độ tuổi 12-13: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ phối hợp, đồng đội nam, đồng đội nữ.

- Độ tuổi 14-15: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ phối hợp, đồng đội nam, đồng đội nữ

2.2. Thi đấu toàn quốc tại Nam Định

THPT: Đồng đội nam, đồng đội nữ, đôi nam, đôi nữ, đơn nam, đơn nữ, đôi nam nữ.

3. Thể thức thi đấu

3.1. Giải đồng đội: Thi đấu 2 trận đơn và 1 trận đôi (mỗi trận thi đấu trong 3 ván) mỗi đội phải có tối thiểu 3 VĐV tham gia thi đấu.

- Nếu có trên 32 đội: Thi đấu loại trực tiếp;

- Nếu có từ 32 đội trở xuống: Thi đấu theo 2 giai đoạn.

+ Giai đoạn I: Chia bảng thi đấu vòng tròn một lượt chọn đội nhất, nhì vào giai đoạn II (mỗi bảng không quá 4 đội, số lượng bảng theo công thức 2^n);

+ Giai đoạn II: Thi đấu loại trực tiếp cho đến trận chung kết (theo mã trận đã bốc thăm).

3.2. Giải đơn và giải đôi: Thi đấu loại trực tiếp

THCS và THPT: Các trận đều thi đấu trong 3 ván, thắng 2.

4. Số lượng VĐV dự thi

4.1. THCS: 01 đội nam, 01 đội nữ (mỗi đội được đăng ký 4 VĐV), giải đơn và giải đôi được chia và thi đấu theo 2 lứa tuổi (12-13 và 14-15) mỗi lứa tuổi được cử 01 đôi nam, 01 đôi nữ, 02 đôi nam nữ phối hợp, 02 đơn nam, 02 đơn nữ.

4.2. THPT: 01 đội nam, 01 đội nữ (mỗi đội được đăng ký 4 VĐV), 01 đôi nam, 01 đôi nữ, 02 đôi nam nữ, 02 đơn nam, 02 đơn nữ.

4.3. VĐV được đăng ký tham gia thi đấu không quá 03 nội dung (kể cả đồng đội).

5. Luật thi đấu

5.1. Áp dụng Luật Cầu lông hiện hành của Tổng cục TDTT - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

5.2. Các cá nhân cùng đơn vị không gặp nhau trong trận đầu tiên.

5.3. Cầu thi đấu: Do Ban Tổ chức quy định (sẽ có thông báo sau).

5.4. Trang phục: Đồng phục trong thi đấu đồng đội và đôi.

6. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo quy định tại Điều 7 của Điều lệ này.

Tính điểm thi đấu đồng đội để xếp hạng ở vòng I: Thắng 2, thua 1, bỏ cuộc 0 điểm. Nếu 2 đội bằng điểm nhau đội thắng trong trận đấu trực tiếp xếp trên. Nếu có 3 đội trở lên bằng điểm nhau lần lượt sẽ tính tỷ số tổng trận thắng/trận thua; tổng hiệp thắng/ hiệp thua; tổng điểm thắng/tổng điểm thua của các đội đó với nhau.

7. Các quy định khác

Chọn hạt giống: Các đơn vị đăng cai tổ chức HKPD toàn quốc và khu vực được chọn làm hạt giống.

8. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Điều 16. MÔN ĐÁ CẦU

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 của Điều lệ này.

2. Nội dung thi đấu

2.1. Thi đấu tại khu vực

- TH: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ;

- THCS: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ, đội tuyển nam, đội tuyển nữ.

2.2. Thi đấu toàn quốc tại Nam Định

THPT: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ, đội tuyển nam, đội tuyển nữ.

3. Số lượng VĐV

3.1. Mỗi đơn vị được đăng ký một đội gồm 6 VĐV nam và 06 VĐV nữ.

3.2. Mỗi đơn vị đăng ký 02 đơn nam và 02 đơn nữ; 01 đôi nam, 01 đôi nữ; 02 đôi nam nữ; 01 đội nam, 01 đội nữ ở mỗi nội dung thi.

3.3. Mỗi VĐV được tham gia tối đa 03 nội dung.

4. Thể thức thi đấu

4.1. Thi đấu đội tuyển: Mỗi trận thi đấu được cử 06 VĐV (03 VĐV chính thức và 03 VĐV dự bị).

- Nếu có trên 32 đội tham gia: thi đấu loại trực tiếp một lần thua;

- Nếu có 32 đội trở xuống tham gia:

+ Vòng I: Chia bảng thi đấu vòng tròn một lượt (để chọn đội nhất, nhì vào vòng II, mỗi bảng không quá 5 đội, số lượng bảng theo công thức 2^n);

+ Vòng II: Thi đấu loại trực tiếp cho đến trận chung kết (theo mã trận đã được bốc thăm, nhất bảng này gặp nhì bảng kia).

4.2. Thi đấu đơn và đôi:

- Thi đấu loại trực tiếp một lần thua nếu có trên 9 VĐV hoặc 9 đôi trở lên tham gia;

- Chia bảng thi đấu vòng tròn 1 lượt nếu có từ 8 VĐV hoặc 8 đôi trở xuống tham gia;

Chọn nhất, nhì mỗi bảng vào thi đấu loại trực tiếp cho đến trận chung kết.

5. Luật thi đấu: Áp dụng theo Luật thi đấu Đá cầu hiện hành của Tổng cục TDTT - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

5.1. Cầu thi đấu: Sử dụng quả cầu đá ĐLS (do Công ty cổ phần thể thao ĐLS sản xuất).

5.2. Trang phục thi đấu: Đồng phục trong thi đấu đồng đội và đôi

5.3. Các VĐV cùng đơn vị không gặp nhau trong trận thi đấu ở thể thức loại trực tiếp.

6. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo quy định tại Điều 7 của Điều lệ này.

7. Các quy định khác: Chọn hạt giống: Các đơn vị đăng cai tổ chức HKPD toàn quốc và khu vực được chọn làm hạt giống.

8. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Điều 17. MÔN THỂ DỤC

1. Đối tượng dự thi và lứa tuổi: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 của Điều lệ này.

2. Nội dung: Bao gồm 3 nội dung cho cấp học TH (Lớp 1-3), TH (Lớp 4-5), THCS, THPT.

- Bài qui định Thể dục cơ bản;

- Bài Thể dục Aerobic tự chọn nhóm 3 người;

- Bài Thể dục Aerobic tự chọn nhóm 8 người.

2.1. Thi đấu tại khu vực:

- TH: + Nhóm 1: Lớp 1 – 3 (3 nội dung);

+ Nhóm 2: Lớp 4 – 5 (3 nội dung).

- THCS: Lớp 6 – 9 (3 nội dung).

2.2. Thi đấu toàn quốc tại Nam Định: THPT: Lớp 10 -12 (3 nội dung).

3. Số lượng VĐV

- Vận động viên chỉ được phép đăng ký tham gia thi đấu ở một nhóm tuổi duy nhất;

- Mỗi VĐV chỉ được phép tham dự tối đa 02 nội dung cho mỗi nhóm tuổi;

- Mỗi đơn vị địa phương, tỉnh, thành, ngành đều được phép tham gia thi đấu ở các cấp học và đăng ký tham dự tối đa:

- + 01 Bài quy định: 8 VĐV (nam/ nữ/ hỗn hợp) + 3 VĐV dự bị;
- + 01 Bài Tự chọn 8 người: 8 VĐV (nam/ nữ/ hỗn hợp) + 3 VĐV dự bị;
- + 01 Bài Tự chọn 3 người: 3 VĐV (nam/ nữ/ hỗn hợp) + 1 VĐV dự bị.

4. Thể thức thi đấu: Đồng đội

5. Luật thi đấu

5.1. Đánh giá bài thi theo luật chấm điểm Thể dục Aerobic HKPD do Liên đoàn Thể dục Việt Nam ban hành năm 2015.

5.2. Cấu trúc bài thi áp dụng Quy định cấu trúc bài thi theo Luật Thể dục Aerobic HKPD do Liên đoàn Thể dục Việt Nam ban hành năm 2015.

6. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo Điều 7 của Điều lệ này.

7. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Ngoài những quy định trên đây, những yêu cầu cụ thể của môn Thể dục áp dụng theo Luật Thể dục Aerobic HKPD do Liên đoàn Thể dục Việt Nam ban hành năm 2015.

Điều 18. MÔN KARATE

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 của Điều lệ này.

2. Địa điểm thi đấu toàn quốc: tại Nam Định

3. Tính chất: Thi đấu cá nhân và đồng đội.

4. Nội dung

4.1. THCS:

- Thi Kata đồng đội nam 03 VĐV;
- Thi Kata đồng đội nữ 03 VĐV;
- Thi Kata cá nhân: Mỗi đơn vị được đăng ký 01 VĐV nam, 01 VĐV nữ;
- Thi Kumite đồng đội nam: 05 VĐV + 02 dự bị;
- Thi Kumite đồng đội nữ: 03 VĐV + 01 dự bị;
- Thi Kumite cá nhân nam và cá nhân nữ mỗi đơn vị được đăng ký 01 VĐV tham gia cho mỗi hạng cân:

+ Nam: Đến 40kg, đến 45kg, đến 50kg, đến 55kg, đến 60kg, đến 65kg;

+ Nữ: Đến 36kg, đến 40kg, đến 44kg, đến 48kg, đến 52kg, đến 56kg.

4.2. THPT:

- Thi Kata Đồng đội nam: 03 VĐV;
- Thi Kata Đồng đội nữ: 03 VĐV;

- Thi Kata Cá nhân: 01 VĐV nam, 01 VĐV nữ;
- Thi Kumite Đồng đội nam: 05 VĐV nam + 02 dự bị;
- Thi Kumite Đồng đội nữ: 03 VĐV + 01 dự bị;
- Thi Kumite cá nhân nam và cá nhân nữ mỗi đơn vị được đăng ký 01 VĐV dự thi ở mỗi hạng cân:

+ Thi Kumite cá nhân nam ở các hạng cân: Đến 45kg, đến 50kg, đến 55kg, đến 60kg, đến 65kg, đến 70kg;

+ Thi Kumite cá nhân nữ ở các hạng cân: Đến 40 kg, đến 44kg, đến 47kg, đến 50kg, đến 55kg, đến 60kg.

5. Luật thi đấu: Áp dụng theo Luật mới của liên đoàn Karate thế giới (WKF) do Tổng cục TDTT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành năm 2018.

*** Các VĐV phải được trang bị bắt buộc**

- Quần áo thi đấu Karate đúng quy định;
- Các dụng cụ bảo vệ: Bịt răng, bảo vệ hạ bộ, găng thi đấu 02 loại màu xanh, đỏ, bảo vệ cơ thể;
- Đai thi đấu 2 loại xanh đỏ;
- Bảo vệ ống quyển + bàn chân 2 màu xanh, đỏ.

6. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo Điều 7 của Điều lệ này.

7. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi

Điều 19. MÔN TAEKWONDO

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 của Điều lệ này.

2. Địa điểm thi đấu toàn quốc: Tại Nam Định

3. Tính chất thi đấu: Đối kháng cá nhân và đồng đội (nam, nữ); quyền cá nhân, đôi nam – nữ và đồng đội (nam, nữ).

4. Nội dung thi đấu

4.1. Đối kháng cá nhân:

- THCS

+ Nam: dưới 33kg, 37kg, 41 kg, 45 kg, 49 kg, 53kg, 57kg, 61kg, 65kg;

+ Nữ : dưới 29kg, 33kg, 37 kg, 41 kg, 44 kg, 47kg, 51kg, 55kg, 59kg;

- THPT:

+ Nam : dưới 45kg, 48kg, 51kg, 55kg, 59kg, 63kg, 68kg 73kg, 78kg;

+ Nữ : dưới 42kg, 44kg, 46kg, 49kg, 52kg, 55kg, 59kg, 63kg, 68kg.

4.2. Đối kháng đồng đội THPT

- Đồng đội nam: không quá 310 kg/05 vận động viên;

- Đồng đội nữ : không quá 280kg/05 vận động viên.

4.3. Thi quyền tiêu chuẩn (standard poomsae) cá nhân nam, cá nhân nữ; đồng đội nam, đồng đội nữ và đôi nam- nữ.

- THCS:

+ Vòng loại và tứ kết thi 02 bài quyền: bốc thăm 02 trong 08 bài quyền Taegeuk 4, 5, 6,7,8, Koryo, Keumgang, Taebaek;

+ Vòng bán kết và chung kết thi 02 bài quyền: bốc thăm 02 trong 06 bài quyền còn lại.

- THPT:

+ Vòng loại và tứ kết thi 02 bài quyền: bốc thăm 02 trong 07 bài quyền Taegeuk 6,7,8, Koryo, Keumgang, Taebaek, Pyongwon;

+ Vòng bán kết và chung kết thi 02 bài quyền: bốc thăm 02 trong 05 bài quyền còn lại.

5. Thẻ thức thi đấu: Đấu loại trực tiếp

6. Số lượng VĐV

6.1. Thi đấu đối kháng và quyền cá nhân: Mỗi đơn vị được cử 01 VĐV tham gia thi đấu ở mỗi hạng cân và 01 VĐV tham thi đấu quyền ở mỗi cấp học.

6.2. Thi đấu đối kháng đồng đội: Mỗi đơn vị chỉ được phép tham dự 01 trong 04 nội dung thi đấu đối kháng đồng đội.

6.3. Thi quyền: Mỗi đơn vị chỉ được phép cử thi đấu 03 trong 05 nội dung thi đấu quyền của THCS và THPT.

7. Luật thi đấu

Áp dụng Luật của Liên đoàn Taekwondo thế giới do Tổng cục TDTT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành.

7.1. Các đơn vị đăng cai tổ chức HKPD toàn quốc và khu vực được ưu tiên chọn làm hạt giống.

7.2. Thời gian thi đấu:

- THCS : 3 hiệp x 1 phút 00, giữa các hiệp nghỉ 1 phút;

- THPT: 3 hiệp x 1 phút 30, giữa các hiệp nghỉ 1 phút.

- Thi đấu đồng đội: 3 hiệp x 5 phút.

7.3. Các nội dung thi đấu đối kháng cá nhân: THCS, THPT thi đấu bằng hệ thống giáp điện tử và mũ điện tử KPNP.

8. Các quy định khác

8.1. Phải có võ phục Taekwondo có in tên đơn vị ở trước ngực và lưng áo.

8.2. Quần áo phải sạch sẽ, đầu tóc gọn gàng, không để móng tay, móng chân dài.

8.3. Phải có trang thiết bị bảo vệ cá nhân (ống tay, ống chân, Kuki, tất điện tử).

9. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo quy định tại Điều 7 - Chương I của Điều lệ này.

10. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Điều 20. VÕ CỔ TRUYỀN

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 của Điều lệ này.

2. Địa điểm thi đấu toàn quốc: tại Nam Định

3. Nội dung: Thi quyền cấp THCS và THPT

3.1. Cấp THCS:

a) Bài căn bản công pháp số II (36 động tác):

- Nội dung biểu diễn cá nhân cho cả nam và nữ;
- Nội dung song luyện (02 VĐV) gồm: đôi nam, đôi nữ, đôi nam + nữ (01 VĐV nam + 01 VĐV nữ);
- Nội dung đồng đội (04 VĐV) gồm: đội nam, đội nữ, đội nam + nữ (02 VĐV nam + 02 VĐV nữ);
- Nội dung tập thể (từ 06 - 10 VĐV) gồm: tập thể nam, tập thể nữ, tập thể nam + nữ (tối thiểu 03 VĐV nam + 03 VĐV nữ);
- Nội dung đối luyện (từ 02 - 05 VĐV): Nội dung bài thi do từng đơn vị tự biên soạn, yêu cầu phải phù hợp với 03 bài Võ cổ truyền Căn bản công pháp II (36 động tác).

b) Bài Ngọc Trần Quyền.

- Nội dung biểu diễn cá nhân cho cả nam và nữ;
- Nội dung đôi (02 VĐV) gồm: đôi nam, đôi nữ, đôi nam + nữ (01 VĐV nam + 01 VĐV nữ);
- Nội dung đồng đội (04 VĐV) gồm: đội nam, đội nữ, đội nam + nữ (02 VĐV nam + 02 VĐV nữ);

3.2. Cấp THPT:

a) Bài Căn bản công pháp số III (45 động tác)

- Nội dung biểu diễn cá nhân cho cả nam và nữ;
- Nội dung song luyện (02 VĐV) gồm: đôi nam, đôi nữ, đôi nam + nữ (01 VĐV nam + 01 VĐV nữ); 6
- Nội dung đồng đội (04 VĐV) gồm: đội nam, đội nữ, đội nam + nữ (02 VĐV nam + 02 VĐV nữ); 12
- Nội dung tập thể (từ 06 - 10 VĐV) gồm: tập thể nam, tập thể nữ, tập thể nam + nữ (tối thiểu 03 VĐV nam + 03 VĐV nữ); 30
- Nội dung đối luyện (từ 02 - 05 VĐV): Nội dung bài thi do từng đơn vị tự biên soạn, yêu cầu phải phù hợp với 03 bài Võ cổ truyền Căn bản công pháp số III (45 động tác).

b) Bài Lão Mai Quyền.

- Nội dung biểu diễn cá nhân cho cả nam và nữ;
- Nội dung đôi (02 VĐV) gồm: đôi nam, đôi nữ, đôi nam + nữ (01 VĐV nam + 01 VĐV nữ);
- Nội dung đồng đội (04 VĐV) gồm: đội nam, đội nữ, đội nam + nữ (02 VĐV nam + 02 VĐV nữ);

4. Số lượng VĐV tham gia: Mỗi vận động viên chỉ được đăng ký tham gia thi đấu tối đa 03 nội dung và mỗi đơn vị được đăng ký tối đa 06 nội dung thi đấu/bài quyền của mỗi cấp học.

5. Luật thi đấu và thời gian thi đấu

5.1. Luật thi đấu: Thi đấu theo Luật Võ cổ truyền Việt Nam do Tổng cục TDTT ban hành năm 2016.

5.2. Trang phục: Trang phục Võ Cổ truyền Việt Nam theo quy định của Liên đoàn Võ Cổ truyền Việt Nam.

6. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo quy định tại Điều 7 của Điều lệ này.

7. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi

Điều 21. MÔN VOVINAM

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 của Điều lệ này.

2. Địa điểm thi đấu toàn quốc: tại Nam Định

3. Nội dung: Thi quyền và thi đấu đối kháng

3.1. Phần thi quyền

3.1.1. THCS:

- Đơn luyện nam: Tứ trụ quyền và Tinh hoa lưỡng nghi kiếm pháp;
- Đơn luyện nữ: Long hổ quyền và Tinh hoa lưỡng nghi kiếm pháp;
- Song luyện nam: Song luyện 1;
- Song luyện nữ: Song luyện 1.

3.1.2. THPT:

- Đơn luyện nam: Ngũ môn quyền và Tứ tượng côn pháp ;
- Đơn luyện nữ: Long hổ quyền và Tinh hoa lưỡng nghi kiếm pháp;
- Song luyện nam: Song luyện số 3;
- Song luyện nữ: Song luyện số 3;
- Đa luyện nam: Đa luyện tay không và Đa luyện vũ khí;
- Đa luyện nữ: Đa luyện tay không và Đa luyện vũ khí;
- Đòn chân tấn công nam: Mỗi đơn vị cử một đội gồm 4 VĐV, mỗi VĐV thi 4 đòn chân;
- Tự vệ nữ: Thực hiện tối thiểu 12 đòn, không quá 3 phút;
- Kết quả bài thi được đánh giá bằng tổng số điểm của 3/5 trọng tài giám định (bỏ điểm cao nhất và thấp nhất);

- Cách xếp hạng: xếp hạng theo thứ tự từ điểm cao đến điểm thấp cho từng bài thi. Nếu có 2 hay nhiều VĐV, tập thể bằng điểm nhau thì xét VĐV, tập thể nào có 1,2.../5 trọng tài cho điểm cao hơn sẽ được xếp thứ hạng trên. Nếu vẫn bằng nhau thì xếp đồng hạng.

3.2. Phần thi đấu đối kháng:

3.2.1. THCS:

- Nam thi 5 hạng cân: Trên 36 kg đến 39 kg, trên 39 kg đến 42 kg, trên 42 kg đến 45 kg, trên 45 kg đến 48 kg, trên 48 kg đến 51 kg;

- Nữ thi 5 hạng cân: Trên 36 kg đến 39 kg, trên 39 kg đến 42 kg, trên 42 kg đến 45 kg, trên 45 kg đến 48 kg, trên 48 kg đến 51 kg.

3.2.2. THPT:

- Nam thi 6 hạng cân: Trên 36 kg đến 39 kg, trên 39 kg đến 42 kg, trên 42 kg đến 45 kg, trên 45 kg đến 48 kg, trên 48 kg đến 51 kg và trên 51 kg đến 54 kg;

- Nữ thi 6 hạng cân: Trên 36 kg đến 39 kg, trên 39 kg đến 42 kg, trên 42 kg đến 45 kg, trên 45 kg đến 48 kg, trên 48 kg đến 51 kg, trên 51 kg đến 54 kg.

4. Thể thức thi đấu: Thi đấu loại trực tiếp một lần thua.

5. Số lượng VĐV tham gia

5.1. Thi Quyền

- Mỗi đơn vị được đăng ký tham gia 01 VĐV hoặc một đội ở mỗi nội dung (một bài) thi;

- Mỗi VĐV chỉ được đăng ký thi đấu tối đa 2 nội dung.

5.2. Thi đấu đối kháng: Mỗi đơn vị được cử 01 VĐV thi đấu ở 1 hạng cân.

6. Luật thi đấu và thời gian thi đấu

6.1. Luật thi đấu: Áp dụng Luật thi đấu Vovinam do Tổng cục TDTT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành kèm theo Quyết định số 304/QĐ-TCTDTT ngày 23/3/2018.

6.2. Trang phục: Quần áo võ phục, binh khí, bảo hiểm hạ bộ, răng, băng tay của VĐV đơn vị tự trang bị (*áo giáp, găng tay, mũ bảo hộ do Ban Tổ chức trang bị*).

6.3. Các VĐV đăng ký ở hạng cân nào thì bốc thăm, xếp lịch thi đấu ở hạng cân đó. Ban tổ chức sẽ bố trí cân để các VĐV cân thử, điều chỉnh danh sách đăng ký chính thức trước buổi họp chuyên môn, bốc thăm xếp lịch.

6.4. Các VĐV tham gia thi đấu đối kháng trong ngày sẽ cân chính thức vào 7 giờ sáng cùng ngày, những VĐV thừa cân sẽ bị loại, VĐV còn lại thắng kỹ thuật.

6.5. Thời gian thi đấu đối kháng

- THCS: mỗi trận thi đấu 3 hiệp, mỗi hiệp 1 phút 30, nghỉ giữa các hiệp 1 phút;

- THPT: mỗi trận thi đấu 3 hiệp, mỗi hiệp 1 phút 30, nghỉ giữa các hiệp 1 phút.

7. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo quy định tại Điều 7 của Điều lệ này.

8. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi

Điều 22. MÔN KÉO CO

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 của Điều lệ này.

Mỗi đơn vị được cử tối đa 01 đội cho các nội dung thi ở khu vực và toàn quốc. Mỗi đội tối đa có 13 VĐV (08 chính thức, 05 dự bị).

2. Tính chất: Thi đấu đồng đội nam, đồng đội nữ, đồng đội nam nữ phối hợp (4 nam, 4 nữ)

3. Nội dung thi đấu

3.1. Thi đấu tại khu vực:

- THCS:
- Nam thi đấu 01 hạng cân: không quá 440kg;
- Nữ thi đấu 01 hạng cân: không quá 400kg;
- Đồng đội nam nữ phối hợp thi đấu 01 hạng cân: không quá 420kg.

3.2. Thi đấu toàn quốc tại Nam Định:

- THPT:
- Nam thi đấu 01 hạng cân: không quá 480kg;
- Nữ thi đấu 01 hạng cân: không quá 440kg;
- Đồng đội nam, nữ thi đấu 01 hạng cân: không quá 460kg.

4. Thể thức thi đấu: Căn cứ vào số đội tham gia và các Điều kiện khác; Ban Tổ chức sẽ lựa chọn hình thức thi đấu loại trực tiếp hoặc vòng tròn cho phù hợp.

- Thi đấu trong nhà (sàn xi măng, sàn gỗ hoặc theo sàn của nhà thi đấu);
- VĐV mặc trang phục thi đấu đúng quy định của Luật;
- Thi đấu mỗi trận 3 hiệp, thắng 2;
- Mỗi hạng cân phải có từ 3 đội trở lên mới tổ chức thi đấu;
- Cân kiểm tra VĐV, từ 6h00 - 7h00 các ngày thi đấu.

5. Luật thi đấu: Áp dụng theo luật thi đấu môn Kéo co hiện hành.

6. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo Điều 7 của Điều lệ này.

7. Khen thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Điều 23. MÔN ĐẨY GẬY

Chỉ tổ chức thi đấu ở khu vực và đối tượng thi đấu là học sinh THCS

1. Đối tượng dự thi và lứa tuổi: Theo qui định của mục 2, Điều 4 của Điều lệ này.

Thi đấu tại khu vực: THCS.

- Nam thi đấu 6 hạng cân: Đến 41kg, trên 41kg đến 44kg, trên 44kg đến 47kg, trên 47kg đến 50kg, trên 50kg đến 53kg, trên 53kg đến 56 kg;

- Nữ thi đấu 6 hạng cân: Đến 35kg, trên 35kg đến 38kg, trên 38kg đến 41kg, trên 41 đến 44kg, trên 44kg đến 47kg, trên 47 đến 50kg.

2. Thẻ thức thi đấu: Tuỳ theo số lượng VĐV tham dự Ban Tổ chức sẽ quy định thẻ thức thi đấu.

3. Số lượng VĐV tham gia

Mỗi đơn vị được đăng ký 01 VĐV thi đấu cho mỗi hạng cân.

4. Luật thi đấu: Áp dụng Luật thi đấu môn Đẩy gậy hiện hành

5. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo Điều 7 của Điều lệ này.

6. Khen thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi hạng cân.

Chương III

KHIẾU NẠI - KHEN THƯỞNG - KỶ LUẬT

Điều 24. KHIẾU NẠI

1. Các khiếu nại về chuyên môn, kỹ thuật

1.1. Chỉ có lãnh đạo đoàn, huấn luyện viên mới có quyền khiếu nại. Khi khiếu nại phải có văn bản nộp cho Ban Trọng tài cuộc thi khi xảy ra sự cố. Các khiếu nại về chuyên môn, kỹ thuật, luật do Ban Trọng tài cuộc thi xử lý, giải quyết tại chỗ. Ban trọng tài cuộc thi phải giải quyết trước khi buổi thi kết thúc. Mọi cá nhân, đơn vị có liên quan phải phục tùng các quyết định của Ban Trọng tài cuộc thi về những vấn đề khiếu nại. Nếu thấy chưa thoả đáng có quyền khiếu nại lên Ban Tổ chức HKPD, nhưng không được cố tình kéo dài cuộc thi hoặc bỏ cuộc.

1.2. Không giải quyết các khiếu nại về điểm và kết quả đối với môn Thẻ dục.

2. Các khiếu nại về nhân sự

Trưởng đoàn gửi văn bản khiếu nại cho Ban Tổ chức cuộc thi. Ban Tổ chức sẽ giải quyết tại chỗ, trường hợp chưa có đủ điều kiện xử lý ngay sẽ bảo lưu để thẩm tra và xử lý sau (chậm nhất là 30 ngày sau khi HKPD toàn quốc kết thúc) và thông báo lại với đơn vị có đơn khiếu nại bằng văn bản.

Điều 25. KHEN THƯỞNG

1. Căn cứ kết quả thi đấu của từng cá nhân và tập thể các đơn vị, Bộ GDĐT khen thưởng như sau:

1.1. Tặng Huy chương Vàng, Bạc, Đồng và giải thưởng cho các cá nhân, đồng đội đạt thành tích nhất, nhì, ba theo Điều lệ từng môn.

1.2. Tặng cờ nhất, nhì, ba và giải thưởng của từng môn thi trong chương trình HKPD cho các đơn vị tại khu vực và toàn quốc (tính theo điểm các nội dung thi của môn đó tại khu vực và toàn quốc)

1.3. Tặng Bằng khen của Bộ trưởng HKPD cho các cán bộ, thành viên Ban Tổ chức có thành tích xuất sắc tại HKPD Toàn quốc.

1.4. Cấp Giấy chứng nhận “Huy chương” cho các học sinh đạt thành tích xếp hạng từ thứ nhất đến thứ ba ở các nội dung thi của HKPD.

1.5. Tặng cờ và giải thưởng cho 10 đơn vị có thành tích xuất sắc (được xếp hạng theo điểm từ 1 đến 10) và 20 đơn vị có thành tích khá (được xếp hạng theo điểm từ 11 đến 30) tại HKPD toàn quốc.

1.6. Tặng cờ cho 10 đơn vị có thành tích thi đấu cao nhất tại HKPD (theo thứ tự xếp hạng về tổng số điểm) cho 19 tỉnh miền núi, Tây Nguyên, gồm: Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Hoà Bình, Yên Bái, Lào Cai, Cao Bằng, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Hà Giang, Bắc Cạn, Thái Nguyên, Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng, Bắc Giang, Phú Thọ (trừ những đơn vị đã nhận cờ xuất sắc hoặc cờ khác).

1.7. Tặng giải thưởng cho các VĐV phá kỷ lục HKPD và huấn luyện viên của các đơn vị đó.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tặng cờ cho 10 đơn vị được xếp hạng từ 1 đến 10 (theo kết quả tổng sắp huy chương của các đơn vị đạt được tại HKPD).

3. Bộ GDĐT tặng Bằng khen cho các trường, quận, huyện, tỉnh, thành phố có phong trào HKPD xuất sắc (có văn bản hướng dẫn riêng).

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen cho các sở giáo dục và đào tạo và các cá nhân đạt thành tích xuất sắc về công tác giáo dục thể chất giai đoạn 2016 – 2020 (có văn bản hướng dẫn riêng).

Điều 26. KỶ LUẬT

1. Bất kỳ cá nhân, đơn vị nào vi phạm Điều lệ, những quy định của Ban Tổ chức HKPD, Ban Tổ chức các cuộc thi khu vực và từng môn thể thao trong chương trình HKPD và có hành vi bỏ cuộc, kích động bỏ cuộc, tự ý kéo dài thời gian trong mọi tình huống tùy theo mức độ vi phạm sẽ áp dụng hình thức kỷ luật từ phê bình, cảnh cáo đến tước quyền thi đấu của VĐV, quyền chỉ đạo, huỷ bỏ thành tích thi đấu của cá nhân vi phạm và thành tích của đồng đội có cá nhân vi phạm.

2. Khiếu nại sai sự thật sẽ bị cảnh cáo và đơn vị có đơn tố cáo sai sự thật sẽ bị trừ 30 điểm trong tổng số điểm HKPD của đơn vị đó.

3. Ban Tổ chức HKPD sẽ kiến nghị Bộ GDĐT không xếp loại thi đua theo tiêu chí đánh giá công tác thi đua của Bộ GDĐT đối với đơn vị có vi phạm, chuyển Thanh tra Bộ xử lý theo mức độ vi phạm, thông báo toàn quốc và kiến nghị UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xử lý kỷ luật đối với các cán bộ phụ trách đơn vị có vi phạm Chỉ thị số 15/2002/CT-TTg ngày 26/7/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc “chống tiêu cực trong các hoạt động TD,TT”./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Thị Nghĩa

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tỉnh, thành phố.....

Mẫu 1

**ĐĂNG KÝ SƠ BỘ THAM GIA HỘI KHỎE PHỤ ĐỒNG TOÀN QUỐC
LẦN THỨ X NĂM 2020**

Số lượng thành viên:.....người

- Tổng số cán bộ, Huấn luyện viên:.....người

- Tổng số VĐV,người

- Họ và tên Trưởng đoàn:điện thoại: CB:DB:.....

Đăng ký môn thi và số lượng vận động viên từng môn

TT	MÔN	TH		THCS		THPT		TỔNG SỐ (VĐV)	GHI CHÚ
		Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ		
1	Điền kinh								
2	Bơi lội								
3	Bóng bàn								
4	Bóng chuyền								
5	Bóng đá								
6	Bóng rổ								
7	Đá cầu								
8	Cầu lông								
...	...								
15	...								

....., ngàythángnăm 20
Giám đốc Sở GD&ĐT
(ký tên và đóng dấu)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tỉnh, thành phố.....

Mẫu 2

**ĐĂNG KÝ DANH SÁCH CÁN BỘ VẬN ĐỘNG VIÊN THAM GIA
HỘI KHÔE PHỤ ĐỒNG TOÀN QUỐC LẦN THỨ X NĂM 2020**

- Tổng số cán bộ:..... người (Nam:..... Nữ:.....)
- Tổng số Huấn luyện viên:..... người (Nam:..... Nữ:.....)
- Tổng số VĐV, người (Nam:..... Nữ:.....)
- Tổng số các thành viên của đoàn:..... người (Nam:..... Nữ:.....)
- Họ và tên Trưởng đoàn: điện thoại CD: DD:.....

Danh sách cán bộ và VĐV của đoàn:

TT	HỌ VÀ TÊN	GIỚI TÍNH	NĂM SINH	DÂN TỘC	CHỨC VỤ	NOI CÔNG TÁC(HỌC TẬP)	MÔN THI	GHI CHÚ
1								
2								
3								
	Tổng số							

Xác nhận của y tế:

....., ngàythángnăm 20
Giám đốc Sở GD&ĐT
(Ký tên và đóng dấu)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tỉnh, thành phố.....

Mẫu 3

ĐĂNG KÝ HỘI KHỎE PHỤ ĐỒNG TOÀN QUỐC LẦN THỨ X NĂM 2020
BẢN ĐĂNG KÝ MÔN THI

MÔN THI:.....

Cán bộ phụ trách:.....điện thoại CB:DB:.....

Danh sách cán bộ và VĐV tham dự

TT	HỌ VÀ TÊN	GIỚI TÍNH	NĂM SINH	DÂN TỘC	CHỨC VỤ	NỘI DUNG		GHI CHÚ
1								
2								
3								
4								
	Tổng số							

Xác nhận của y tế:

....., ngàythángnăm 20

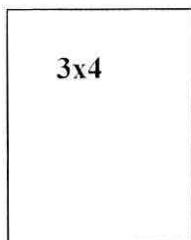
Giám đốc Sở GD&ĐT

(Ký tên và đóng dấu)

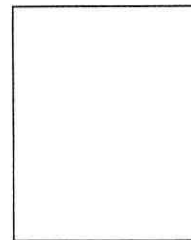
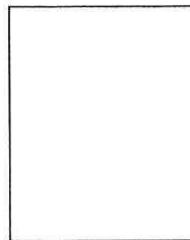
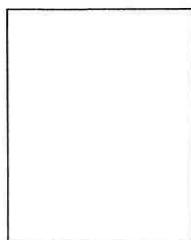
Lưu ý: Các đơn vị đăng ký cụ thể tất cả các nội dung mà VĐV dự thi.

**ĐĂNG KÝ ẢNH CÁC THÀNH VIÊN
THAM DỰ HỘI KHỎE PHỤ ĐỒNG TOÀN QUỐC LẦN THỨ X NĂM 2020
(để làm thẻ VĐV)**

Đơn vị:

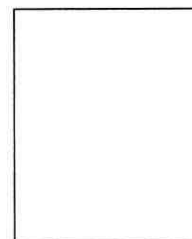


3x4



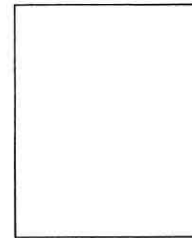
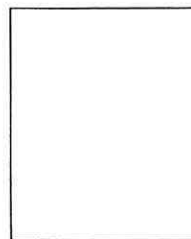
Họ và tên:
Ngày,tháng, năm sinh:

Họ và tên:
Ngày,tháng, năm sinh:



Họ và tên:
Ngày,tháng, năm sinh:

Họ và tên:
Ngày,tháng, năm sinh:



Họ và tên:
Ngày,tháng, năm sinh:

Họ và tên:
Ngày,tháng, năm sinh:

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tỉnh (Thành phố):.....

Mẫu 5

PHIẾU DỰ THI HỘI KHOẺ PHÙ ĐỔNG TOÀN QUỐC LẦN THỨ IX- 2016

Môn thi :

Bậc học:

Ảnh cỡ 3x4
có dấu giáp
lai của
trường

- Họ và tên học sinh :

Nam nữ :

- Ngày tháng năm sinh :

- Lớp : Trường :

- Địa chỉ theo hộ khẩu thường trú :

Chữ ký của học sinh:

- Xếp loại học lực :

Hạnh kiểm:

Hiệu trưởng trường
(Ký, đóng dấu)

GD Sở GD & ĐT
(Ký, đóng dấu)

Lưu ý: Đối với HS tiểu học không phải ghi phân xếp loại học lực và hạnh kiểm